

Số: /2024/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUYẾT ĐỊNH SỐ 46/2015/QĐ-TTg NGÀY 28 THÁNG 9 NĂM 2015 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP, ĐÀO TẠO DƯỚI 3 THÁNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Phòng chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Bình đẳng giới ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

"Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người tham gia học nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng:

a) Người học là phụ nữ.

b) Người lao động ở khu vực nông thôn là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên đang sinh sống, làm việc tại các khu vực địa giới hành chính không bao gồm địa bàn phường thuộc thị xã, quận và thành phố, có khả năng lao động và có nhu cầu làm việc.

c) Người được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, ngư dân đánh bắt xa bờ.

d) Người có đất thu hồi là đất nông nghiệp, đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ.

e) Người sau cai nghiện.

g) Các đối tượng khác được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề theo quy định của pháp luật.

Đối tượng áp dụng chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng theo quy định tại Quyết định này không bao gồm các trường hợp là học sinh, sinh viên đang học trong các cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; cán bộ, công chức theo quy định của Luật Cán bộ Công chức; viên chức theo quy định của Luật Viên chức."

2. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp (gọi chung là cơ sở đào tạo) và các tổ chức, cá nhân có liên quan."

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

"2. Mỗi người chỉ được hỗ trợ đào tạo một lần theo chính sách quy định tại Quyết định này. Những người đã được hỗ trợ đào tạo nghề từ ngân sách Nhà nước thì không được tiếp tục hỗ trợ đào tạo theo chính sách quy định tại Quyết định này. Riêng những người đã được hỗ trợ đào tạo nhưng bị mất việc làm do nguyên nhân khách quan thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định tiếp tục hỗ trợ đào tạo để chuyển đổi việc làm theo chính sách quy định tại Quyết định này, nhưng tối đa không quá 03 lần.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

"Điều 4. Mức hỗ trợ đào tạo

1. Người tham gia học nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng được hỗ trợ chi phí đào tạo cho 01 khóa học.

2. Mức chi phí đào tạo cho từng nghề và mức hỗ trợ cụ thể đối với từng đối tượng tham gia học nghề trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau"

" Điều 5. Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại

1. Đối tượng được hỗ trợ: Người được hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người khuyết tật, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, ngư dân đánh bắt xa bờ; Người có đất thu hồi là đất nông nghiệp, đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ; người học là nữ và các đối tượng khác trong các chương trình, đề án được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Mức hỗ trợ:

a) Mức hỗ trợ tiền ăn tối thiểu 50.000 đồng/người/ngày thực học.

b) Mức hỗ trợ tiền đi lại tối thiểu 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.

Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ: Mức hỗ trợ tiền đi lại tối thiểu 500.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

Mức hỗ trợ tiền ăn, đi lại cụ thể do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở mức hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, điều kiện từ ngân sách địa phương và khả năng, huy động thêm các nguồn kinh phí khác để hỗ trợ thêm tiền ăn, tiền đi lại cho người học trong thời gian đào tạo."

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

"Điều 6. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, gồm:

- Ngân sách trung ương;

- Ngân sách địa phương;

- Lồng ghép kinh phí thực hiện các nội dung về đào tạo nghề đã được phê duyệt trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu (nếu có) và trong các Chương trình, Đề án khác có liên quan.

- Kinh phí hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và các nguồn huy động tài trợ hợp pháp khác."

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, Điều 9 như sau:

"Điều 9. Trách nhiệm của các Bộ, ngành Trung ương

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Hướng dẫn Bộ, ngành, địa phương xây dựng, phê duyệt kế hoạch, dự toán kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng hằng năm, 5 năm.

b) Hướng dẫn các địa phương, cơ sở đào tạo việc thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng.

c) Phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

d) Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng; định kỳ 6 tháng, hằng năm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm b, khoản 4 Điều 9 như sau:

"b) Phối hợp Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng".

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 như sau:

"1. Xây dựng, phê duyệt danh mục nghề đào tạo được hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng gắn với thế mạnh địa phương, với quy hoạch phát triển sản xuất, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và gắn với việc làm, hiệu quả sau đào tạo; định mức kinh tế - kỹ thuật; định mức chi phí đào tạo cho từng nghề; mức hỗ trợ cụ thể đối với từng nhóm đối tượng và kế hoạch đào tạo hằng năm, 5 năm về hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo chính sách quy định tại Quyết định này."

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày

2. Đối với các trường hợp đang tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng nhưng chưa hết thời gian đào tạo khi Quyết định này có hiệu lực thì tiếp tục được hỗ trợ theo mức quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (3b).KK

Phạm Minh Chính